

QUYẾT ĐỊNH

sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 02 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2966//TTr-STNMT ngày 03 tháng 8 năm 2016 về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu như sau:

1. Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“**Điều 4. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.**”

1. Việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản Quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp không có hồ sơ, chứng từ chứng minh về chi phí đã đầu tư vào đất, giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện xem xét trên cơ sở quá trình sử dụng đất, hiện trạng đang sử dụng đất và tình hình thực tế của địa phương, đồng thời tham khảo chi phí đầu tư vào đất còn lại của các trường hợp tương tự mà có hồ sơ, chứng từ chứng minh để xác định và trình Ủy ban Nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

Nếu không có các trường hợp tương tự có hồ sơ, chứng từ chứng minh để xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại thì người có đất thu hồi tự kê khai các khoản chi phí đã đầu tư vào đất (chi phí san lấp mặt bằng; chi phí tự cải tạo làm tăng độ màu mỡ của đất, thau chua rửa mặn, chống xói mòn, xâm thực đối với đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp; chi phí gia cố khả năng chịu lực chống rung, sụt lún đất đối với đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh; chi phí khác có liên quan đã đầu tư vào đất phù hợp với mục đích sử dụng đất hợp pháp) nộp cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường:

a) Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tham mưu Ủy ban Nhân dân cấp huyện chuyển hồ sơ đến Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định chi phí đầu tư vào đất còn lại.

b) Trường hợp phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tham mưu Ủy ban Nhân dân cấp huyện chuyển hồ sơ đến phòng Tài chính cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định chi phí đầu tư vào đất còn lại”.

2. Khoản 2, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc đang sử dụng đất hợp pháp để sản xuất, kinh doanh, khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển cơ sở sản xuất, kinh doanh thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường được tính theo chi phí thực tế tại thời điểm di dời, trên cơ sở Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự kê khai và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường cấp huyện tính toán, xác định trình Ủy ban Nhân dân cấp huyện chuyển Sở Tài chính thẩm định.

Trường hợp không xác định được chi phí tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt hoặc trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường thuê Tổ chức có chức năng tư vấn xác định chi phí tháo dỡ, di chuyển và lắp đặt; xác định thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt, chi phí chi trả cho đơn vị tư vấn do Chủ đầu tư chi trả:

a) Trường hợp Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tham mưu Ủy

ban Nhân dân cấp huyện chuyển hồ sơ đến Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định chi phí tháo dỡ, di chuyển và lấp đặt; xác định thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lấp đặt.

b) Trường hợp phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường tham mưu Ủy ban Nhân dân cấp huyện chuyển hồ sơ đến phòng Tài chính cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định chi phí tháo dỡ, di chuyển và lấp đặt; xác định thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lấp đặt”.

3. Điểm c Khoản 1 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì chủ sử dụng đất được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc hỗ trợ được thực hiện một (01) lần với mức bằng 30% mức bồi thường của loại đất bị ảnh hưởng tính trên diện tích đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không”.

4. Bổ sung Điều 17a và Điều 17b như sau:

“Điều 17a. Bồi thường công trình hạ tầng kỹ thuật, Hạ tầng xã hội:

1. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn liền với đất đang sử dụng thì mức bồi thường tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của pháp luật chuyên ngành; trường hợp phải di chuyển công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lấp đặt; đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội không còn sử dụng thì không được bồi thường.

2. Trường hợp thực hiện dự án nâng cấp, cải tạo đường giao thông mà Nhà nước không thu hồi đất nhưng làm thiệt hại về tài sản thì việc xử lý tài sản bị thiệt hại cho chủ sở hữu hợp pháp do cơ quan quản lý nhà nước về công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội hoặc chủ đầu tư dự án đường giao thông và chủ sở hữu tài sản hợp pháp thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Điều 17b. Hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt.

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không được phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng xây dựng trên đất có đủ điều kiện được bồi thường về đất và xây dựng trước Thông báo thu hồi đất thì được xem xét hỗ trợ theo quy định sau:

1. Đối với khu vực đô thị:

a) Xây dựng trước ngày 01/7/2004: hỗ trợ bằng mức bồi thường;

b) Xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006: hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường.

c) Xây dựng sau ngày 01/7/2006: không hỗ trợ.

2. Đối với khu vực nông thôn: *ℰ*

- a) Xây dựng trước ngày 01/7/2004: hỗ trợ bằng mức bồi thường;
- b) Xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006: hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường;
- c) Xây dựng sau ngày 01/7/2006 và trước ngày 01/7/2014: hỗ trợ bằng 70% mức bồi thường.
- d) Xây dựng sau ngày 01/7/2014: không hỗ trợ.

3. Điều kiện hỗ trợ:

a) Việc xây dựng không nhằm mục đích trục lợi, việc xây dựng này nhằm mục đích phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt cần thiết và tại thời điểm xây dựng không bị lập biên bản xử phạt.

b) Ủy ban Nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, xác định thời điểm hình thành các công trình xây dựng trên đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập phương án hỗ trợ báo cáo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cấp huyện xem xét và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án hỗ trợ cho người dân một cách minh bạch, công bằng, dân chủ, nhằm ổn định đời sống cho người dân.

5. Bổ sung Khoản 5 Điều 29 như sau:


“5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc diện được bồi thường bằng đất ở hoặc nhà ở tái định cư, nếu nhận tái định cư bằng tiền thì được hỗ trợ 06 tháng tiền thuê nhà”.

6. Điểm d, khoản 2, Điều 31 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Đối với những dự án thuộc địa bàn liên huyện, thành phố, “dự án thu hồi đất theo quy định tại khoản 1, Điều 66, Luật Đất đai 2013” do Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Quản lý Đất đai) chịu trách nhiệm thẩm định thì việc phân bổ kinh phí thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng như sau:

- Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện : 8%
- Chi cục Quản lý Đất đai : 7%

3. Ngoài mức kinh phí phân bổ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và Chi cục Quản lý Đất đai như trên, kinh phí phân bổ cho các đơn vị còn lại (Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện; Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện; Trung tâm phát triển quỹ đất cấp tỉnh; Chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước; Xã, phường, thị trấn; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường) vẫn giữ nguyên theo quy định tại Điểm a, b, c, Khoản 2 Điều này”.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26. tháng 8 năm 2016.
2. Quyết định này bãi bỏ Điều 4; khoản 2 Điều 9; điểm c khoản 1 Điều 12; điểm d khoản 2 Điều 31 của Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu./

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTr. Tỉnh Ủy; HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh, các Đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT. KTL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Tuấn Quốc